

Số: *1345*/NĐĐT-KHVT

Quảng Ninh, ngày *05* tháng *5* năm 2026

V/v đề nghị báo giá cung cấp vật tư, thiết bị và
dịch vụ sửa chữa Hệ thống máy phát

Kính gửi: Quý công ty và các nhà cung cấp

Trước tiên, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV xin gửi lời chào trân trọng và cảm ơn sự hợp tác từ Quý Công ty trong thời gian qua.

Hiện nay, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đang chuẩn bị triển khai công tác sửa chữa lớn các thiết bị năm 2027. Để có cơ sở thực hiện theo các quy định hiện hành, Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV đề nghị Quý Công ty báo giá các loại vật tư, thiết bị theo phụ lục đính kèm (*có thể báo giá một hoặc một số hoặc toàn bộ vật tư, thiết bị theo khả năng cung cấp của mình*).

- Hồ sơ báo giá bao gồm:

+ Báo giá: do người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá ký tên, đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của người đại diện hợp pháp của đơn vị báo giá (*kèm theo giấy ủy quyền, quyết định hoặc tài liệu tương đương khác*).

+ Giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương, giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng được kinh doanh có điều kiện (nếu có).

+ Các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự với các hàng hóa báo giá (*kèm theo các tài liệu chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng*).

- Yêu cầu đối với vật tư, thiết bị báo giá: cam kết vật tư, thiết bị là hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, có ký, mã hiệu, nhãn mác, nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng.

- Địa điểm giao hàng: tại kho của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (*Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*).

- Hiệu lực của báo giá: 150 ngày kể từ ngày báo giá.

Báo giá của Quý Công ty xin gửi tới địa chỉ và theo thời gian như sau:

- Địa chỉ gửi báo giá: Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV (*Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Bình Khê, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh; Điện thoại: 0203.6266323; Fax: 0203.6266324; E-mail: dongtrieu.dtk@gmail.com*).


- Thời gian báo giá: chậm nhất đến 16 giờ 30 ngày 12/5/2026.

(*Mọi thông tin trao đổi xin liên hệ: Ông Phạm Thế Vinh - Nhân viên*)



phòng KHĐT-VT; Số điện thoại: 0329.039.895).

Rất mong nhận được sự hợp tác và phản hồi sớm từ Quý Công ty.

Trân trọng. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (e-copy, để b/c);
- Lưu: TCHC, KHVT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**




Vũ Văn Mão

PHỤ LỤC: KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 1345 /NĐĐT-KHVT ngày 05/5/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

| STT | Tên vật tư | Quy cách, đặc tính kỹ thuật | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|---|-----|------------|--------------------|-------------------|---------|
| 1 | Keo làm kín | Mã hiệu: Tite Seal (quy cách: 2,268 kg/hộp) của nhà sản xuất Seal Tite International | Hộp | 8,0 | | | |
| 2 | Keo | Mã hiệu: Araldite 2014-1 (quy cách: 50ml/lọ) của nhà sản xuất Huntsman Advanced Materials | Lọ | 10,0 | | | |
| 3 | Keo cách điện tổng hợp | Mã hiệu: SK-03 (quy cách: 1kg/hộp) của nhà sản xuất Insulect | kg | 5,0 | | | |
| 4 | Răng chèn | Mã hiệu: 8.372.2543 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co., Ltd (răng chèn lắp đặt cho máy phát mã hiệu QFSN 220 - 2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co., Ltd) | Cái | 24,0 | | | |
| 5 | Sơn màu | Mã hiệu: PUF70RXA-2014K16 và PUF70RXB-00K04 (sơn Jona PU 2 thành phần) của nhà sản xuất Joton | kg | 40,0 | | | |
| 6 | Gioăng giấy TN-9001 | Mã hiệu: TN-9001 (quy cách: khổ 1500x1016x1.6mm) của nhà sản xuất Interface Solution, Inc | Tấm | 50,0 | | | |
| 7 | Vành chèn dầu (Hệ thống dầu chèn) | Mã hiệu: RS/YQ5D263.653 chi tiết số 072 trên bản vẽ MK/YQ5E264F1168 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co., Ltd (vành chèn lắp đặt cho máy phát mã hiệu QFSN 220 - 2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co., Ltd) | Bộ | 2,0 | | | |
| 8 | Giá đỡ chổi than máy | Mã hiệu: BRH01 ((loại 6 chổi than kích thước | Cái | 8,0 | | | |

| STT | Tên vật tư | Quy cách, đặc tính kỹ thuật | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|--|-----|------------|--------------------|-------------------|---------|
| | phát | 25x32x100mm) - sử dụng cho máy phát mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co.,Ltd | | | | | |
| 9 | Chổi than | Mã hiệu: Morgan NCC634 (kích thước: 25x32x100mm) của nhà sản xuất Morgan AM&T (Shanghai) Co., Ltd | Cái | 96,0 | | | |
| 10 | Sơn 2 thành phần | Sơn 2 thành phần có mã hiệu PUF70RXA-2019K16 và PUF70RXB-00K04 của hãng Joton (màu ghi sáng) | Lít | 54,0 | | | |
| 11 | Sơn chống rỉ | Sơn chống rỉ có mã hiệu SP Primer (màu nâu đỏ) của hãng Joton | Lít | 2,0 | | | |
| 12 | Van tay vô lăng | Mã hiệu: WJ40F1.6P DN40, PN16, vật liệu inox 316, kiểu kết nối mặt bích (bao gồm: van+mặt bích+bulong+ecu+long đen) | Cái | 4,0 | | | |
| 13 | Van tay vô lăng | Kích thước: DN15, PN16, vật liệu inox 316, kiểu kết nối mặt bích (bao gồm: van+mặt bích+bulong+ecu+long đen) | Cái | 10,0 | | | |
| 14 | Ống thép đúc | Kích thước: DN16, PN16 vật liệu inox 316 | m | 5,0 | | | |
| 15 | Cút 90 độ | Kích thước DN16, PN16 vật liệu inox 316 | Cái | 8,0 | | | |
| 16 | Cút chữ T | Kích thước: DN16, PN16 vật liệu inox 316 | Cái | 8,0 | | | |
| 17 | Giắc co | Kích thước: DN16, PN16 vật liệu inox 316 | Cái | 4,0 | | | |
| 18 | Bộ giám sát phóng điện cục bộ máy phát W-PD6 | Bộ giám sát phóng điện cục bộ máy phát W-PD6 - sử dụng cho máy phát mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co.,Ltd (bao gồm phần mềm kết nối máy tính) | Bộ | 1,0 | | | |

| STT | Tên vật tư | Quy cách, đặc tính kỹ thuật | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|--|---|-----|------------|--------------------|-------------------|---------|
| 19 | Bộ giám sát phóng điện cục bộ máy phát W-PD | Bộ giám sát phóng điện cục bộ máy phát W-PD - sử dụng cho máy phát mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co.,Ltd (bao gồm phần mềm kết nối máy tính) | Bộ | 1,0 | | | |
| 20 | Bộ giám sát quá từ thông ROM | Bộ giám sát quá từ thông ROM- sử dụng cho máy phát mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co.,Ltd (bao gồm phần mềm kết nối máy tính) | Bộ | 1,0 | | | |
| 21 | Bộ giám sát quá nhiệt cách điện máy phát OHM | Bộ giám sát quá nhiệt cách điện máy phát OHM - sử dụng cho máy phát mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất Shanghai Electric Power Generation Equipment Co.,Ltd | Bộ | 1,0 | | | |
| 22 | Thiết bị gia nhiệt điện nước làm mát | Mã hiệu: 12222969 của nhà sản xuất Shanghai Electric | Bộ | 1,0 | | | |
| 23 | Cút chữ T | Cút chữ T, kích thước: DN80, vật liệu: SUS304 | Bộ | 1,0 | | | |
| 24 | Ống inox | Kích thước: Φ89×4, vật liệu: SUS304 | m | 10,0 | | | |
| 25 | Cút 90 | Cút 90 độ, kích thước: DN80, vật liệu: SUS304 | Cái | 6,0 | | | |
| 26 | Van bi siêu ngắn | Kiểu van: SQ72F, kích thước DN80, PN16, vật liệu: SUS304 | Cái | 3,0 | | | |
| 27 | Mặt bích | Kiểu mặt bích lồi, kích thước DN80, PN16, vật liệu: SUS304 | Cái | 6,0 | | | |
| 28 | Gioăng mặt bích | Kích thước: DN80×3, vật liệu: PTFE | Cái | 6,0 | | | |
| 29 | Bu lông lục giác thép mạ kẽm | Kích thước: M16×70, cấp bền: 8.8 (Bao gồm: 01 bu lông + 01 ê cu + 01 long đen vênh + 01 long đen) | Cái | 48,0 | | | |

| STT | Tên vật tư | Quy cách, đặc tính kỹ thuật | ĐVT | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|---|--|-----|------------|--------------------|-------------------|---------|
| | | phẳng) | | | | | |
| 30 | Cáp điện lực | Cu/XLPE/PVC 3x35+1x16mm ² 0,6/1kV | m | 150,0 | | | |
| 31 | Cáp điều khiển | Cu/PVC/PVC SC 2x1,0mm ² 0,6/1kV | m | 150,0 | | | |
| 32 | Cáp tín hiệu | Cu/PE/CTS/PVC 3x1,0mm ² 0,6/1kV | m | 150,0 | | | |
| 33 | Thiết bị đo độ tinh khiết khí hydro | Mã hiệu: 12255240 của nhà sản xuất Shanghai Electric | Cái | 1,0 | | | |
| 34 | Thiết bị giám sát rò rỉ Hydro cuộn dây Stator | Mã hiệu: 12228649 của nhà sản xuất Shanghai Electric (loại NA1000DII) | Cái | 7,0 | | | |
| 35 | Máy sấy khí hydro | Mã hiệu: 12011051 của nhà sản xuất Shanghai Electric (bao gồm 2 cái Thiết bị đo độ ẩm khí hydro HMT-374) | Cái | 1,0 | | | |
| Tổng | | | | | | | |
| Thuế GTGT 10% | | | | | | | |
| Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí) | | | | | | | |
| Bảng chữ: | | | | | | | |

Ghi chú:

- (*) Đề nghị đơn vị báo giá chào đầy đủ nhà sản xuất và xuất xứ của hàng hóa. Nếu đơn vị báo giá không chào đầy đủ nội dung nêu trên thì mục hàng hóa của đơn vị báo giá không được xem xét.

- (***) Đề nghị đơn vị báo giá chào đúng chủng loại hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trong trường hợp hàng hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác, đơn vị báo giá có thể đề xuất sang hàng hóa khác và phải cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh hàng

hóa được chọn làm chỉ dẫn về đặc tính, thông số kỹ thuật không còn sản xuất hoặc nhà sản xuất đã thay đổi sang mã khác. Nếu đơn vị báo giá không cung cấp các tài liệu kỹ thuật và tài liệu chứng minh nêu trên thì mục hàng hóa tương ứng của đơn vị báo giá không được xem xét.

PHỤ LỤC 2: KHỐI LƯỢNG ĐỀ NGHỊ BÁO GIÁ PHẦN DỊCH VỤ

(Kèm theo Văn bản số 1345 /NĐĐT-KHVT ngày 05/5/2026 của Công ty nhiệt điện Đông Triều - TKV)

| STT | Tên công việc | Mô tả nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|-----|---|---|-------------|------------|--------------------|-------------------|---------|
| 1 | Chuyên gia nước ngoài | Cài đặt hiệu chỉnh bộ giám sát W-PD6, W-PD, ROM, OHM | Công | 8,0 | | | |
| 2 | Chuyên gia nước ngoài | Kết nối DCS, cài đặt, hiệu chỉnh thông số vận hành bình gia nhiệt điện cho hệ thống nước làm mát stato | Công | 2,0 | | | |
| 3 | Sửa chữa thay thế vành trượt cổ góp máy phát tại nhà sản xuất Shanghai electric | Sửa chữa thay thế vành trượt cổ góp máy phát (mã hiệu QFSN-220-2 của nhà sản xuất SHANGHAI ELECTRIC) tại nhà sản xuất Shanghai electric, bao gồm cả phần dịch vụ và các vật tư chính sau: 1. Vành trượt: Mã hiệu: Q8C555.1075 của nhà sản xuất Shanghai electric (01 cái); 2. Vành trượt: Mã hiệu: Q8C555.1074 của nhà sản xuất Shanghai electric (01 cái); 3. Ống cách điện: Mã hiệu: Q8B770.1540 của nhà sản xuất Shanghai electric (01 cái); 4. Ống cách điện: Mã hiệu: Q8B770.1539 của nhà sản xuất Shanghai electric (01 cái). | Trọn gói | 1,0 | | | |
| 4 | Vận chuyển cổ góp máy phát | Vận chuyển cổ góp máy phát từ Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê (địa chỉ tại khu Đông Sơn, phường Bình Khê, Quảng Ninh) về xưởng sửa chữa của sản xuất Shanghai electric và trả lại Nhà máy nhiệt điện Mạo Khê sau khi sửa chữa xong | Trọn gói | 1,0 | | | |

| STT | Tên công việc | Mô tả nội dung công việc | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá (đồng/đvt) | Thành tiền (đồng) | Ghi chú |
|---|-----------------------|--|-------------|------------|--------------------|-------------------|---------|
| 5 | Chuyên gia nước ngoài | Kết nối DCS, cài đặt, hiệu chỉnh thông số vận hành bộ đo độ tính khiết Hydro, bộ sấy khí Hydro | Công | 5,0 | | | |
| Cộng | | | | | | | |
| Thuế GTGT | | | | | | | |
| Tổng cộng (đã bao gồm thuế, phí và lệ phí) | | | | | | | |
| Bảng chữ: | | | | | | | |